

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KONTUM**

Bản án số: 01/2018/HS-PT

Ngày: 30-01-2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KONTUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thành Lê.

Các thẩm phán:

Ông Trần Năm;

Bà Lê Thúy Cầu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhật – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hải Yến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2018/TLPT-HS ngày 02 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo Nguyễn Văn N và Phạm Công L do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2017/HSST ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn N, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1994, tại tỉnh Kon Tum; Nơi cư trú: Tổ dân phố x, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh KonTum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1964; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: không; Tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 20-5-2017 đến ngày 17-8-2017 được áp dụng biện pháp Bảo lãnh, bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Phạm Công L sinh ngày 01 tháng 9 năm 1990, tại tỉnh Kon Tum; Nơi cư trú: Tổ dân phố y, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh KonTum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Nh, sinh năm 1965 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Th, sinh năm 1996 và có 01 con sinh năm 2015; Tiền án: không; Tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 30-

5-2017 đến ngày 25-8-2017 được áp dụng biện pháp Bảo lãnh, bị cáo tại ngoại (có mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác:* Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 25-4-2017 tại nhà của ông Phạm Xuân H ở thôn a, xã Đ, huyện H, tỉnh Kon Tum có Phạm Văn S và Nguyễn Văn N (S là cháu ruột ông H) ở chơi. Lúc này, S nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài nên rủ N đi trộm xe thì N đồng ý. Do không có phương tiện đi, S điện thoại cho Phạm Công L (trú tại tổ dân phố y, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh Kon Tum), L là em họ của S mang xe đến nhà ông H để cho S mượn. Khi L mang xe mô tô biển kiểm soát 82V1 – 2794 đến thì N dùng xe mô tô trên chở S đi đến địa bàn thôn t, xã D, huyện T, tỉnh Kon Tum thì phát hiện có 01 đám cưới, để nhiều xe mô tô của khách đến dự mà không có người trông coi. S bảo N dùng xe lại và dặn N đứng ngoài đường canh giới, còn S vào khu vực để xe lấy trộm được một xe mô tô Exciter màu trắng đỏ rồi chạy thẳng về huyện H, lúc này là khoảng 11 giờ 45 phút cùng ngày. S điện thoại cho L và N đến ngã ba đường đất xã Đ huyện H đón S. Sau đó S, N, L chạy đến lô cà phê ở thôn r, xã Đ, huyện H của ông Trần Văn C nơi S cất giấu xe mô tô trộm cắp được và S đưa cà lê cho L nói L tháo biển số xe và nhét biển số xe xuống đất còn S, N cùng nhau tháo ổ khóa, S ghi lại số khung xe xong cả ba quay lại nhà ông H. Khoảng 15 giờ cùng ngày, L chở S đón xe đi Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 01-5-2017, S điện thoại cho L bảo đón S ở bến xe huyện N, khi lên đón S, L và N mang theo ổ khóa xe mô tô trộm cắp nói trên để cắt chìa khóa. Đến gặp S, S đưa cho N, L một bì bóng màu đen trong đó có biển kiểm soát xe 82B1 – 38467, một giấy chứng nhận xe mô tô, một giấy chứng minh nhân dân (gắn hình là của N) nhưng tất cả mang tên Lê Quang H (sinh năm 1990, trú tại thị trấn Đ, huyện H, tỉnh Kon Tum). Sau đó L, N quay lại thị trấn Đ để lắp ổ khóa xe mô tô trộm cắp được và chạy lên huyện N để cầm cố xe. Tại tiệm cầm đồ Tùng Giang do chị Nguyễn Thị Phương G (sinh năm 1982, trú tại tổ dân phố s, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum) làm chủ tiệm thì N vào cầm cố chiếc xe mô tô này, L đứng ngoài đợi. Chị G kiểm tra thấy giấy tờ hợp lệ nên đồng ý nhận cầm cố xe mô tô với giá 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng. Khi chở N đến chỗ S đang đợi L hỏi cầm cố xe được bao nhiêu thì N nói cầm được 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng nhưng chủ tiệm cầm đồ giữ lại 1.000.000 (một triệu) đồng. Trên đường về lại huyện , N đưa S 20.000.000 (hai

mười triệu) đồng, S cho N 4.000.000 (bốn triệu) đồng, cho L 4.000.000 (bốn triệu) đồng. Sau đó N đưa thêm số tiền đã giấu cho L 3.000.000 (ba triệu) đồng còn lại của N. Tổng số tiền Nguyễn Văn N nhận được là 8.000.000 (tám triệu) đồng, số tiền Phạm Công L nhận được là 7.000.000 (bảy triệu) đồng, số tiền Phạm Văn S nhận được là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng.

Theo kết luận định giá tài sản số 13 ngày 24-5-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đắk Tô xác định xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, kiểu dáng EXCITER 150, màu sơn trắng – đỏ, biển kiểm soát 82E1 – 11708 có giá trị là 39.000.000 (ba mươi chín triệu) đồng.

Bị cáo L hoàn toàn không biết việc S và bị cáo N trộm cắp chiếc xe này, chỉ khi lấy được xe máy rồi, bị cáo có tham gia tiêu thụ. Riêng đối tượng S chưa bắt được, nên tiếp tục điều tra để xử lý sau.

Quá trình điều tra xác định xe mô tô mà các bị cáo trộm cắp và tiêu thụ có nhãn hiệu YAMAHA, kiểu dáng EXCITER 150, màu sơn trắng – đỏ, BKS 82E1 – 11708, số khung 0610FY163913, số máy không rõ vì đã bị thay mới. Chủ sở hữu là anh Nguyễn Văn Th, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Tô trao trả cho anh Nguyễn Văn Th, anh Th không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với các tang vật của vụ án: Xe mô tô BKS 82V1 – 2794 mà S, N, L sử dụng đi làm phương tiện trộm cắp và tiêu thụ tài sản thì chủ sở hữu là chị Phạm Thị Th (trú tại tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh Kon Tum là chị ruột của L). Việc các bị cáo mượn xe và sử dụng vào việc phạm tội chị Th không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Tô đã trao trả xe mô tô trên cho chị Th.

Trong quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Phạm Công L bồi thường số tiền 17.000.000 (mười bảy triệu đồng), Nguyễn Văn N bồi thường số tiền 10.000.000 (mười triệu đồng) cho chị Nguyễn Thị Phương G.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2017/HSST ngày 23 tháng 11 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo Phạm Công L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng khoản 1 điều 138; Điểm b, h, p khoản 1 điều 46; Điều 33 BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời gian tạm giam, tạm giữ trước đây từ ngày 20/5/2017 đến ngày 17/8/2017.

- Áp dụng khoản 1 điều 250; Điểm b, h, p khoản 1 điều 46; Điều 33 BLHS: Xử phạt bị cáo Phạm Công L 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù

tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời gian tạm giam, tạm giữ trước đây từ ngày 30/5/2017 đến ngày 25/8/2017.

Bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 04 tháng 12 năm 2017, bị cáo Phạm Công L kháng cáo xin hưởng án treo; ngày 07 tháng 12 năm 2017, bị cáo Nguyễn Văn N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum có ý kiến:

Các bị cáo kháng cáo đúng về chủ thể, thời hạn kháng cáo; bị cáo Nguyễn Văn N giúp sức cho đối tượng tên S trộm cắp tài sản là chiếc xe mô tô có giá trị 39.000.000 đồng, tham gia đi tiêu thụ nên cấp sơ thẩm xét xử bị cáo tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là có cơ sở; bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được cấp sơ thẩm áp dụng và tuyên phạt mức án 12 tháng tù là tương xứng với tính chất, hậu quả hành vi phạm tội bị cáo gây ra, mức hình phạt đối với bị cáo là không nặng; tại cấp phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đối với bị cáo Phạm Công L không hứa hẹn trước nhưng sau khi biết tài sản do N trộm cắp lại không tố giác mà tham gia đi tiêu thụ tài sản này, nên cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự là có cơ sở; bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có 03 tình tiết giảm nhẹ, đã được cấp sơ thẩm áp dụng và tuyên phạt mức án 08 tháng tù là tương xứng với tính chất, hậu quả hành vi phạm tội bị cáo gây ra; tại cấp phúc thẩm bị cáo xuất trình giấy xác nhận vợ đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, bị cáo phải nuôi con dưới 36 tháng tuổi, đây là tình tiết giảm nhẹ mới; đối chiếu các điều kiện quy định tại Điều 60 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06-11-2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn Điều 60 của Bộ luật hình sự về án treo, đủ điều kiện cho bị cáo hưởng án treo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo Phạm Công L.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh: Bị cáo Nguyễn Văn N và đối tượng S (là người quen biết của N, hiện đã bỏ trốn) lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài

sản, đã lén lút chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn Th chiếc xe máy biển kiểm soát 82E1- 11708, trị giá 39.000.000 đồng, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999. Sau khi biết được tài sản do Nguyễn Văn N và đối tượng tên S trộm cắp được mà có, bị cáo Phạm Công L có hành vi giúp sức cùng với Nguyễn Văn N mang xe đi cầm cố tại huyện N để lấy tiền tiêu xài, hành vi này của bị cáo Phạm Công L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, được quy định tại khoản 1 điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999. Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô xét xử các bị cáo về các tội danh trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn N và xin hưởng án treo của bị cáo Phạm Công L, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

- Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đã bồi thường và tài sản bị chiếm đoạt đã được trả lại cho chủ sở hữu, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự là áp dụng đúng pháp luật.

- Về mức hình phạt: Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô sau khi đánh giá tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn N mức án 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo Phạm Công L mức án 08 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là tương xứng với tính chất, hậu quả hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, mức hình phạt đối với các bị cáo là không nặng.

+ Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn N không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên không có căn cứ xét giảm án, Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

+ Đối với bị cáo Phạm Công L, trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo có xuất trình “Đơn xin xác nhận hoàn cảnh khó khăn” có nội dung trình bày hoàn cảnh gia đình bị cáo neo đơn, vợ của bị cáo đã đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, cha của bị cáo đã mất, mẹ đẻ của bị cáo thường xuyên ốm đau, bị cáo có con nhỏ hơn 02 tuổi, bản thân là lao động chính trong gia đình, nội dung đơn được xác nhận của chính quyền địa phương.

Hội đồng xét xử thấy, đây là tình tiết mới do bị cáo xuất trình trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thể hiện rõ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt tù không quá 03 năm, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, p, h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 mà không có tình tiết tăng nặng nào; xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo

khó khăn, nếu bị cáo chấp hành hình phạt tù thì không có người chăm sóc cháu nhỏ hơn 2 tuổi là con của bị cáo, việc không buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Phạm Công L, sửa án sơ thẩm về nội dung này.

[3]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không được chấp nhận nên phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Kháng cáo của bị cáo Phạm Công L được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2017/HSST ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn N.

- Áp dụng khoản 1 điều 138; Điểm b, h, p khoản 1 điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời gian tạm giam, tạm giữ từ ngày 20-5-2017 đến ngày 17-8-2017.

Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Phạm Công L. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2017/HSST ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô về phần hình phạt đối với bị cáo Phạm Công L.

- Áp dụng khoản 1 điều 250; Điểm b, h, p khoản 1 điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Phạm Công L 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 16 (Mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (30-01-2018).

Giao bị cáo Phạm Công L cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện H, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Phạm Công L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về án phí: Căn cứ điều 99 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 3; Điều 6; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Phạm Công L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.
Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (30-01-2018).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kon Tum;
- TAND huyện Đắk Tô;
- Cơ quan THAHS CA huyện Đắk Hà;
- Cơ quan điều tra CA huyện Đắk Tô;
- VKSND huyện Đắk Tô;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Tô;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lý Thành Lê

